



**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

- Tên cơ sở kinh doanh: **CÔNG TY CP BÊ TÔNG BECAMEX.**
- Địa chỉ: **Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.**
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: **3700926112, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 22/05/2014.**
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
  - ✓ **Xây dựng công trình công ích chi tiết:** Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
  - ✓ **Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao chi tiết:** Sản xuất công bê tông cốt thép các loại; Sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; Sản xuất bê tông xi măng các loại; Sản xuất cầu kiện đúc sẵn; Sản xuất gạch không nung.
  - ✓ **Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết:** mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại; Cầu kiện đúc sẵn; Các loại vật liệu xây dựng; Các cầu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí.
  - ✓ **Xây dựng nhà các loại chi tiết:** Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
  - ✓ **Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ chi tiết:** Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
  - ✓ **Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí chi tiết:** Thi công đặt hệ thống cấp, thoát nước, và điều hoà không khí; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
  - ✓ **Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết:** cho thuê xe máy, thiết bị.
  - ✓ **Lắp đặt hệ thống điện.**



- ✓ **Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại chi tiết:** Gia công cơ khí (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại).
- ✓ **Sản xuất các cấu kiện kim loại chi tiết:** Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- ✓ **Chuẩn bị mặt bằng chi tiết:** San lấp mặt bằng;
- ✓ **Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết:** Xây dựng nền móng; Đóng cọc, ép cọc;
- ✓ **Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu lắp;**
- ✓ **Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá chi tiết:** Cắt và hoàn thiện đá xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết: mua bán hoá chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hoá chất bảng I theo Công ước quốc tế);
- ✓ **Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết:** Mua bán mặt hàng trang trí nội thất

- Mã số thuế: **3700926112.**

*Căn cứ thông tư 52/2012/TT-BTC, ngày 05 tháng 04 năm 2012, hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.*

*Căn cứ kết quả kinh doanh Quý IV năm 2014, Công ty cổ phần bê tông Becamex xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2014 so với Quý IV năm 2013 như sau:*

- **Lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2013: 7.738.819.230 đ**
- **Lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2014: 13.258.625.009 đ**

**Nguyên nhân là do:** Công việc sản xuất và thi công quý IV.2014 gặp thuận lợi là thời tiết nắng, bên cạnh đó công việc thi công hoàn thành đúng tiến độ nên nghiệm thu khối lượng kịp thời. Vì vậy doanh thu quý IV.2014 tăng 162,8% và lợi nhuận tăng 171,3% so với quý IV.2013.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế của Quý IV năm 2014 so với Quý IV năm 2013.

**Trân trọng!**

Bình Dương, ngày 12 tháng 02 năm 2015

**Công Ty CP Bê Tông Becamex**



**TRƯƠNG ĐỨC HÙNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**  
**MÃ CHỨNG KHOÁN: ACC**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV NĂM 2014**

**TRỤ SỞ CHÍNH:**

- Trụ sở: Lô D\_3\_CN, Đường N7 – KCN Mỹ Phước – phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát – tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0650.3567200
- Fax : 0650.3567201
- Email : [becamexacc@gmail.com](mailto:becamexacc@gmail.com)
- Website : [www.becamexacc.com.vn](http://www.becamexacc.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

**Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>2-5</b>
<b>3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>6-7</b>
<b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>8-9</b>
<b>5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>10-30</b>
<b>6. Phụ lục</b>	<b>31-34</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>173.131.832.779</b>	<b>193.045.323.849</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>32.403.653.658</b>	<b>50.969.275.532</b>
1. Tiền	111		26.403.653.658	17.969.275.532
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	33.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>108.372.318.721</b>	<b>113.737.607.955</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	108.665.839.686	114.166.427.442
2. Trả trước cho người bán	132		135.357.500	355.607.238
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		50.864.548	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(479.743.013)	(784.426.725)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>29.975.890.579</b>	<b>26.369.609.666</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	29.975.890.579	26.369.609.666
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.379.969.821</b>	<b>1.968.830.696</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	2.299.569.284	1.966.830.696
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	80.400.537	2.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>108.101.885.663</b>	<b>54.424.764.392</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.091.395.147</b>	<b>41.635.042.241</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	23.589.866.006	30.723.016.574
<i>Nguyên giá</i>	222		94.107.179.070	96.969.901.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(70.517.313.064)	(66.246.884.626)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	10.501.529.141	10.900.575.667
<i>Nguyên giá</i>	228		12.917.736.421	12.906.286.421
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.416.207.280)	(2.005.710.754)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9		11.450.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>73.681.851.200</b>	<b>12.450.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	47.134.351.200	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	26.547.500.000	12.450.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>328.639.316</b>	<b>339.722.151</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	328.639.316	339.722.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>281.233.718.442</b>	<b>247.470.088.241</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>84.487.778.551</b>	<b>49.694.655.209</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>84.487.778.551</b>	<b>49.694.655.209</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	4.093.527.934	-
2. Phải trả người bán	312	V.14	72.438.584.711	43.110.040.638
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	1.670.550.933	145.629.077
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.883.086.388	2.096.769.362
5. Phải trả người lao động	315	V.17	2.113.669.398	1.838.016.113
6. Chi phí phải trả	316	V.18	216.305.000	380.309.091
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	1.072.054.187	1.266.712.683
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	-	857.178.245
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>196.745.939.891</b>	<b>197.775.433.032</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>196.745.939.891</b>	<b>197.775.433.032</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	1.527.143.181	1.527.143.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.21	9.055.511.950	9.055.511.950
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	33.161.532.710	33.161.532.710
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	14.643.623.536	14.643.623.536
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	38.358.128.514	39.387.621.655
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>281.233.718.442</b>	<b>247.470.088.241</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2015



Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy Vân  
Kế toán trưởng



Trương Đức Hùng  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh	Quý IV		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	122.233.953.586	75.075.486.905	305.012.668.197	361.173.632.698	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.1	17.561.700		31.394.700	123.195.830	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.1	122.216.391.886	75.075.486.905	304.981.273.497	361.050.436.868	
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.2	104.369.302.098	62.269.248.140	254.009.680.581	306.494.149.593	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20 VI.3	17.847.089.788	12.806.238.765	50.971.592.916	54.556.287.275	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	2.486.167.301	483.619.964	3.630.211.154	2.107.845.895	
7. Chi phí tài chính	22	10.233.820		10.233.820		
Trong đó: chi phí lãi vay	23	10.233.820		10.233.820		
8. Chi phí bán hàng	24 VI.4	2.531.797.555	2.087.581.359	8.038.663.700	7.092.910.611	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.5	3.382.425.192	3.301.278.547	11.536.820.412	12.198.954.926	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	14.408.800.522	7.900.998.823	35.016.086.138	37.372.267.633	
11. Thu nhập khác	31	5.427	967.445.917	1.458.291.281	975.671.178	
12. Chi phí khác	32	6.000.088	235.416.095	753.215.585	235.686.535	
13. Lợi nhuận khác	40	(5.994.661)	732.029.822	705.075.696	739.984.643	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.402.805.861	8.633.028.645	35.721.161.834	38.112.252.276	

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

#### Quý IV

	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	1.144.180.852	894.209.415
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.258.625.009	7.738.819.230
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	-	-

Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy Vân  
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2015



Trương Đức Hùng  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.721.161.834	38.112.252.276
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,9	8.845.205.013	12.696.089.446
- Các khoản dự phòng	03		(304.683.712)	182.418.767
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.195.383.558)	(2.862.485.127)
- Chi phí lãi vay	06		10.233.820	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.076.533.397	48.128.275.362
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.591.572.409	(24.098.800.148)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.606.280.913)	61.180.152.890
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		31.349.287.178	(17.507.495.884)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(321.655.753)	(1.370.059.790)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.233.820)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(3.083.882.399)	(2.986.225.832)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20	(4.322.254.346)	(7.070.463.536)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>65.673.085.753</b>	<b>56.275.383.062</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,9,10	(2.048.742.038)	(1.850.356.055)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.454.545.455	930.593.464
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.11	(61.231.851.200)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3.488.022.222	1.931.891.663
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(58.338.025.561)</b>	<b>1.012.129.072</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.093.527.934	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(29.994.210.000)	(40.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(25.900.682.066)</b>	<b>(40.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(18.565.621.874)</b>	<b>17.287.512.134</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>50.969.275.532</b>	<b>33.681.763.398</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>32.403.653.658</b>	<b>50.969.275.532</b>

Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thủy Vân  
Kế toán trưởng

Trương Đức Hùng  
Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng, cấu kiện đúc sẵn, vật liệu xây dựng; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu, vận chuyển hàng hóa; Cho thuê xe máy, thiết bị.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 266 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 267 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

##### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

##### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

##### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-15
Máy móc và thiết bị	02-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-08
Tài sản cố định hữu hình khác	06

#### **6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (42 năm).

##### ***Tiêu chuẩn kỹ thuật công***

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu tiêu chuẩn kỹ thuật công vào để sản xuất sản phẩm công các loại. Chi phí này được khấu hao trong 08 năm.

##### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao như sau:

<u>Loại phần mềm máy tính</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

#### **7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HINX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### **12. Nguồn vốn kinh doanh**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **14. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
• Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	Khen thưởng các thành viên trong ban quản lý, điều hành Công ty

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **17. Tài sản tài chính**

##### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

##### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **19. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	47.972.488	141.329.625
Tiền gửi ngân hàng	26.355.681.170	17.827.945.907
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	33.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>32.403.653.658</u></b>	<b><u>50.969.275.532</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng thi công công trình	95.873.513.623	101.268.500.082
Các khách hàng cung cấp thành phẩm	12.736.132.891	12.654.296.736
Các khách hàng cung cấp dịch vụ	56.193.172	243.630.624
<b>Cộng</b>	<b><u>108.665.839.686</u></b>	<b><u>114.166.427.442</u></b>

### 3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Số đầu năm	784.426.725	
Trích lập trong kỳ	85.316.288	
Hoàn nhập trong kỳ	(390.000.000)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>479.743.013</u></b>	

### 4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12.642.896.088	15.781.568.086
Công cụ, dụng cụ	60.609.159	100.903.545
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.181.783.978	4.512.678.432
Thành phẩm	8.053.009.595	5.939.223.209
Hàng hóa	37.591.759	35.236.394
<b>Cộng</b>	<b><u>29.975.890.579</u></b>	<b><u>26.369.609.666</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.032.484.339	1.474.315.945
Chi phí dịch vụ	267.084.945	492.514.751
<b>Cộng</b>	<b><u>2.299.569.284</u></b>	<b><u>1.966.830.696</u></b>

#### 6. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng của nhân viên

#### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	10.767.042.556	53.250.787.433	30.932.273.952	1.712.686.361	307.110.898	96.969.901.200
Tăng trong kỳ	80.600.000	687.311.455	1.194.025.300	5.015.000	36.655.283	2.048.742.038
Mua sắm mới	80.600.000	687.311.455	1.194.025.300	5.015.000	36.655.283	2.048.742.038
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Giảm trong kỳ						
Thanh lý, nhượng bán			(4.911.464.168)			(4.911.464.168)
Chuyển sang chi phí trả trước						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>10.847.642.556</u></b>	<b><u>53.938.098.888</u></b>	<b><u>32.126.299.252</u></b>	<b><u>1.762.836.361</u></b>	<b><u>343.766.181</u></b>	<b><u>94.107.179.070</u></b>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.813.105	15.000.483.076	11.594.591.703	275.766.902	-	26.882.654.786
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	5.318.527.075	37.676.977.292	22.339.057.670	837.945.423	74.377.166	66.246.884.626
Khấu hao trong kỳ	1.027.768.003	4.925.975.207	2.249.973.306	182.849.553	48.142.418	8.434.708.487
Giảm trong kỳ						
Thanh lý, nhượng bán			(4.164.280.049)			(4.164.280.049)
Chuyển sang chi phí trả trước						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>5.318.527.075</u></b>	<b><u>37.676.977.292</u></b>	<b><u>18.174.777.621</u></b>	<b><u>837.945.423</u></b>	<b><u>74.377.166</u></b>	<b><u>70.517.313.064</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	5.448.515.481	15.573.810.141	8.593.216.282	874.740.938	232.733.732	30.723.016.574
Số cuối năm	5.529.115.481	16.261.121.596	13.951.521.631	924.890.938	269.389.015	23.589.866.006
<b>Trong đó:</b>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá theo sổ sách là 32.826.512.659 VND và giá trị còn lại là 9.886.950.883 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay vốn lưu động ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tiêu chuẩn kỹ thuật công</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	11.769.135.713	542.840.908	594.309.800	12.906.286.421
Tăng trong kỳ			11.450.000	11.450.000
<i>Điều chỉnh từ chi phí trả trước dài hạn</i>				
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>				
Chuyển sang chi phí trả trước				
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>11.769.135.713</u>	<u>542.840.908</u>	<u>605.759.800</u>	<u>12.917.736.421</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		174.659.090	70.610.000	245.269.090
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	1.524.516.729	293.103.706	188.090.319	2.005.710.754
Tăng trong kỳ	246.858.288	83.651.514	79.986.724	410.496.526
<i>Khấu hao trong kỳ</i>				
<i>Điều chỉnh từ chi phí trả trước dài hạn</i>				
Chuyển sang chi phí trả trước				
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>1.771.375.017</u>	<u>376.755.220</u>	<u>268.077.043</u>	<u>2.416.207.280</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	<u>10.244.618.984</u>	<u>249.737.202</u>	<u>406.219.481</u>	<u>10.900.575.667</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>9.997.760.696</u>	<u>166.085.688</u>	<u>337.682.757</u>	<u>10.501.529.141</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	11.450.000
Chi phí phát sinh trong kỳ	786.655.283
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	(798.105.283)
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>-</u>

#### 10. Đầu tư vào công ty con

Trong kỳ, Công ty đã mua 4.479.600 cổ phiếu của Công ty cổ phần khoáng sản Becamex với giá mua và phí là 49.374.151.200 VND (chưa trừ cổ tức được chia trong giai đoạn trước khi mua), tương đương 74,66% vốn điều lệ.

#### 11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước <sup>(1)</sup>	2.490.000	24.900.000.000	1.245.000	12.450.000.000
Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương <sup>(1)</sup>	65.900	1.647.500.000	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Cộng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		<b>26.547.500.000</b>		<b>12.450.000.000</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 ngày 06 tháng 6 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước 24.900.000.000 VND, tương đương 12,45% vốn điều lệ.

(ii) Trong kỳ, Công ty đã mua 65.900 cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương với giá mua là 1.647.500.000 VND, tương đương 10,98% vốn điều lệ.

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí dịch vụ Công cụ, dụng cụ <b>Cộng</b>	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
			76.222.000	(25.407.336)
	339.722.151	188.944.313	(250.841.812)	277.824.652
	<b>339.722.151</b>	<b>265.166.313</b>	<b>(276.249.148)</b>	<b>328.639.316</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng vay số 01/2014/2451719/HĐTD với lãi suất 6%/năm để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định. (Xem thuyết minh V.7).

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Tăng trong kỳ	4.093.527.934
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.093.527.934</b>

**14. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động thi công công trình	57.465.691.539	33.869.126.068
Các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động sản xuất thành phẩm	2.665.407.567	3.271.423.170
Các nhà cung cấp khác	12.307.485.605	5.969.491.400
<b>Cộng</b>	<b>72.438.584.711</b>	<b>43.110.040.638</b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng của hoạt động thi công công trình	1.064.092.067	
Các khách hàng của hoạt động cung cấp thành phẩm	606.458.866	145.629.077
<b>Cộng</b>	<b>1.670.550.933</b>	<b>145.629.077</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.025.386.934	6.804.736.194	(6.223.493.118)	1.606.630.010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	942.484.376	3.285.578.874	(3.083.882.399)	1.144.180.851
Thuế thu nhập cá nhân	128.898.052	342.945.891	(339.568.416)	132.275.527
Các loại thuế khác	-	9.389.505	(9.389.505)	
<b>Cộng</b>	<b>2.096.769.362</b>	<b>10.442.650.464</b>	<b>(9.656.333.438)</b>	<b>2.883.086.388</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng các loại; thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế cho thời gian còn lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Năm 2008, là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nhưng do thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng nên Công ty đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế từ năm 2009.

Thu nhập khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Quý IV</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.402.805.861	8.633.028.645
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.992.000.000)	
Thu nhập tính thuế	12.410.805.861	8.633.028.645
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập của hoạt động được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	10.939.285.780	7.223.129.974
- Thu nhập hoạt động không được ưu đãi (thuế suất 22%)	1.471.520.081	1.409.898.671
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>2.730.377.289</b>	<b>2.158.257.161</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(1.586.196.437)</b>	<b>(1.264.047.745)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.144.180.852</b>	<b>894.209.416</b>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 25% xuống còn 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và bằng 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	2.046.179.213	1.795.954.761
Phải trả người lao động theo hợp đồng thời vụ	67.490.185	42.061.352
<b>Cộng</b>	<b><u>2.113.669.398</u></b>	<b><u>1.838.016.113</u></b>

#### 18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ	216.305.000	166.309.091
Chi phí khuyến mãi		214.000.000
Lương bổ sung		
<b>Cộng</b>	<b><u>216.305.000</u></b>	<b><u>380.309.091</u></b>

#### 19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	136.040.307	68.500.079
Nhận ký quỹ ngắn hạn	57.000.000	57.000.000
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	481.486.715	413.499.951
Cổ tức phải trả	13.800.000	8.010.000
Các khoản phải trả khác	383.727.165	719.702.653
<b>Cộng</b>	<b><u>1.072.054.187</u></b>	<b><u>1.266.712.683</u></b>

#### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	651.482.108	3048989643	(3.700.471.751)	-
Quỹ phúc lợi	34.313.542	416086458	(450.400.000)	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	171.382.595		(171.382.595)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>857.178.245</u></b>	<b><u>3465076101</u></b>	<b><u>(4.322.254.346)</u></b>	<b><u>-</u></b>

#### 21. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

##### *Cổ tức*

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 29.994.210.000 VND (năm trước là 40.019.650.000 VND)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	122.233.953.586	75.075.486.905
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>15.504.711.154</i>	<i>13.845.654.275</i>
- <i>Doanh thu thi công công trình</i>	<i>105.546.249.086</i>	<i>61.003.059.629</i>
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa</i>	<i>1.182.993.346</i>	<i>226.773.001</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	17.561.700	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>122.216.391.886</u></b>	<b><u>75.075.486.905</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>11.896.599.569</i>	<i>13.845.654.275</i>
- <i>Doanh thu thuần thi công công trình</i>	<i>91.603.834.163</i>	<i>61.003.059.629</i>
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ, hàng hóa</i>	<i>868.868.366</i>	<i>226.773.001</i>

### 2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	11.896.599.569	11.456.637.764
Giá vốn của thi công công trình	91.603.834.163	50.638.546.050
Giá vốn của dịch vụ, hàng hoá đã cung cấp	868.868.366	174.064.326
<b>Cộng</b>	<b><u>104.369.302.098</u></b>	<b><u>62.269.248.140</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	480.000.000	464.944.445
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.167.301	18.675.519
Cổ tức bệnh viện Mỹ Phước	1.992.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>2.486.167.301</b>	<b>483.619.964</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.093.489.882	617.786.780
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	870.783.362	509.336.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.681.700	65.829.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.851.112	467.671.815
Chi phí khác	271.991.499	426.956.664
<b>Cộng</b>	<b>2.531.797.555</b>	<b>2.087.581.359</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.714.232.636	1.554.772.210
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.219.841	71.778.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.951.015	277.825.219
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(304.683.712)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.198.313.369	961.547.156
Chi phí khác	394.392.043	435.355.410
<b>Cộng</b>	<b>3.382.425.192</b>	<b>3.301.278.547</b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.172.410.563	56.397.838.874
Chi phí nhân công	7.134.495.288	5.687.042.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.147.811.423	2.480.744.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.608.901.510	2.852.160.225
Chi phí khác	1.232.569.924	1.219.661.488
<b>Cộng</b>	<b>100.296.188.708</b>	<b>68.637.447.821</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	313.954.500	313.954.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	16.401.990	15.656.445
Tiền thưởng	102.358.524	105.672.773
<b>Cộng</b>	<b>432.715.014</b>	<b>435.283.718</b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Trường đại học quốc tế Miền Đông	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và tổng hợp Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần Setia Becamex	Công ty liên kết của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.528.747	267.319.885
Doanh thu bán thành phẩm	11.074.150.780	55.197.717.850

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Quý IV	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	82.524.980	124.932.540
Doanh thu thi công công trình	73.932.050.845	262.104.201.906
Chi phí thuê đất	102.900.257	101.506.140
Phí quản lý	61.610.357	81.281.828
Thuê xe vận chuyển		27.186.998
 <i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Bán thành phẩm	63.540.300	308.745.400
Bán hàng hoá	2.040.000	6.688.000
Mua nguyên vật liệu	2.995.778.370	41.800.000
 <i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán thành phẩm	85.810.000	832.999.400
Bán hàng hoá	10.120.500	10.531.200
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	1.578.127.976	7.863.636.925
Cung cấp dịch vụ		3.420.463
 <i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Thi công công trình	1.586.629.936	420.571.800
Bán thành phẩm		34.110.102
Bán hàng hoá	87.278.000	30.055.000
Cung cấp dịch vụ		10.015.114
 <i>Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Việt</i>		
Doanh thu thi công công trình	404.767.179	
 <i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.954.550	
Mua nguyên vật liệu	7.827.273	47.741.818
 <i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Bán thành phẩm		6.444.000
Bán hàng hoá		156.600
Mua nguyên vật liệu	482.946.040	590.933.984
 <i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	2.253.300	
 <i>Công ty Cổ phần Đá Ốp Lát An Bình</i>		
Cung cấp dịch vụ	13.257.750	

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Thi công công trình	71.198.384.986	79.725.990.657
Bán thành phẩm	8.297.392.103	9.558.987.823
Cung cấp dịch vụ	39.172.913	203.351.799
<b>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</b>		
Thi công công trình	12.023.208.684	14.271.590.205
Bán thành phẩm	308.753.100	633.351.468
<b>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</b>		
Bán thành phẩm	17.501.825	12.037.740
Cung cấp dịch vụ		11.016.625
Thi công công trình	1.701.845.957	
<b>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</b>		
Bán thành phẩm	72.138.330	346.976.740
<b>Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Việt</b>		
Thi công công trình	1.045.938.351	
<b>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.150.005	
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>94.706.486.254</u></b>	<b><u>105.511.073.666</u></b>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Phí quản lý	45.270.824	44.683.854
Tiền thuê đất	113.190.283	111.656.754
Phí thuê xe		29.906.292
<b>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</b>		
Mua nguyên vật liệu	3.822.228.638	45.980.000
<b>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex</b>		
Mua nguyên vật liệu	7.950.000	51.404.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương</i> Thuê dịch vụ	3.500.000	
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i> Mua nguyên vật liệu	353.313.046	493.815.141
<i>Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Becamex</i> Mua nguyên vật liệu	2.478.630	
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>4.347.931.421</u></b>	<b><u>777.446.041</u></b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### *Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại.
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

#### *Khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

#### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.403.653.658	-	-	-	32.403.653.658
Phải thu khách hàng	108.053.587.839	-	-	612.251.847	108.665.839.686
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.547.500.000	-	-	-	26.547.500.000
<b>Cộng</b>	<b>167.004.741.497</b>			<b>612.251.847</b>	<b>167.616.993.344</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.969.275.532	-	-	-	50.969.275.532
Phải thu khách hàng	113.353.473.930	-	-	812.953.512	114.166.427.442
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.450.000.000	-	-	-	12.450.000.000
<b>Cộng</b>	<b>176.772.749.462</b>			<b>812.953.512</b>	<b>177.585.702.974</b>

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### *Rủi ro thị trường*

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

##### *Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.403.653.658		50.969.275.532	-	32.403.653.658	50.969.275.532
Phải thu khách hàng	108.665.839.686	(479.743.013)	114.166.427.442	(784.426.725)	108.186.096.673	113.382.000.717
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.547.500.000		12.450.000.000	-	26.547.500.000	12.450.000.000
<b>Cộng</b>	<b>167.616.993.344</b>	<b>(784.426.725)</b>	<b>177.585.702.974</b>	<b>(784.426.725)</b>	<b>167.137.250.331</b>	<b>176.801.276.249</b>

##### *Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	72.438.584.711	43.110.040.638	72.438.584.711
Các khoản phải trả khác	1.241.895.380	1.578.521.695	1.241.895.380	1.578.521.695
<b>Cộng</b>	<b>73.680.480.091</b>	<b>44.688.562.333</b>	<b>73.680.480.091</b>	<b>44.688.562.333</b>

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2015

  
Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thúy Vân  
Kế toán trưởng

  
Trương Đức Hùng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
**Phụ lục 01 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	29.733.880.816	12.929.797.589	53.851.615.045	207.097.948.581
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	34.276.518.940	34.276.518.940
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.427.651.894	1.713.825.947	(8.740.512.330)	(3.599.034.489)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>1.527.143.181</b>	<b>9.055.511.950</b>	<b>33.161.532.710</b>	<b>14.643.623.536</b>	<b>39.387.621.655</b>	<b>197.775.433.032</b>
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	33.161.532.710	14.643.623.536	39.387.621.655	197.775.433.032
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	32.435.582.960	32.435.582.960
Chia cổ tức của năm 2013	-	-	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(3.465.076.101)	(3.465.076.101)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>1.527.143.181</b>	<b>9.055.511.950</b>	<b>33.161.532.710</b>	<b>14.643.623.536</b>	<b>38.358.128.514</b>	<b>196.745.939.891</b>

Đơn vị tính: VND

  
**Văn Thị Anh Đào**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Thị Thủy Vân**  
 Kế toán trưởng



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ
<b>Kỳ này</b>				<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	15.487.299.454	105.546.249.086	1.182.843.346	122.216.391.886
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>15.487.299.454</b>	<b>105.546.249.086</b>	<b>1.182.843.346</b>	<b>122.216.391.886</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.590.699.885	13.942.414.923	313.974.980	17.847.089.788
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(5.914.222.747)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	11.932.867.041
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	2.486.167.301
Chi phí tài chính	-	-	-	(10.233.820)
Thu nhập khác	-	-	-	5.427
Chi phí khác	-	-	-	(6.000.088)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(1.144.180.852)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>149.209.091</b>	<b>-</b>	<b>13.258.625.009</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>149.209.091</b>	<b>-</b>	<b>149.209.091</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>838.007.009</b>	<b>1.105.495.421</b>	<b>-</b>	<b>1.943.502.430</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	13.845.654.275	61.003.059.629	226.773.001	-	75.075.486.905
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>13.845.654.275</b>	<b>61.003.059.629</b>	<b>226.773.001</b>	<b>-</b>	<b>75.075.486.905</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.389.016.511	10.364.513.579	52.708.675	-	12.806.238.765
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(5.388.859.906)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	7.417.378.859
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	483.619.964
Chi phí tài chính	-	-	-	-	967.445.917
Thu nhập khác	-	-	-	-	(235.416.095)
Chi phí khác	-	-	-	-	(894.209.415)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.738.819.230</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>628.430.184</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>628.430.184</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>815.399.320</b>	<b>1.406.692.870</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.222.092.190</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyễn Thị Thủy Vân  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu

Trương Đức Hùng  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	35.822.038.737	127.001.602.936	1.431.243.762	-	-	164.254.885.435
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	116.978.833.007
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.641.762.023</b>	<b>59.501.825.740</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>63.143.587.763</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	21.344.190.788
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>84.487.778.551</b>
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	36.418.756.041	130.565.179.523	299.223.514	-	-	167.283.159.078
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	80.186.929.163
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.795.965.566</b>	<b>34.978.042.297</b>	<b>417.741.376</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>39.191.749.239</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	10.502.905.970
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>49.694.655.209</b>

  
Văn Thị Anh Đào  
Người lập biên

  
Nguyễn Thị Thủy Vân  
Kế toán trưởng

